



FROM



Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Ambetter.LouisianaHealthConnect.com

Giới Thiệu Về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh mục thuốc Ambetter from Louisiana Healthcare Connections là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị một bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các lựa chọn điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG DANH MỤC THUỐC

Danh mục thuốc Ambetter from Louisiana Healthcare Connections được xem xét ít nhất hàng quý và cập nhật hàng tháng. Những thay đổi tích cực trong danh mục thuốc, chẳng hạn như bổ sung sản phẩm vào danh mục thuốc, loại bỏ các hạn chế về quản lý sử dụng (Sự Chấp Thuận Trước, Giới Hạn Số Lượng, v.v.), có thể diễn ra hàng tháng. Những thay đổi tiêu cực trong danh mục thuốc, chẳng hạn như loại bỏ sản phẩm ra khỏi danh mục thuốc và bổ sung các kỹ thuật quản lý sử dụng sẽ chỉ diễn ra vào đầu mỗi năm phúc lợi mới. Nếu quý vị bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi tiêu cực trong danh mục thuốc, quý vị sẽ được thông báo bằng văn bản ít nhất 60 ngày trước khi sự thay đổi đó diễn ra.

SỬ DỤNG DANH MỤC THUỐC

Danh mục thuốc Ambetter from Louisiana Healthcare Connections gồm hai phần. Phần đầu tiên của danh mục thuốc liệt kê các loại thuốc được đài thọ theo bệnh trạng mà chúng điều trị. Quý vị có thể sử dụng phần này để tìm kiếm một cách nhanh chóng tất cả các loại thuốc mà chúng tôi đài thọ cho bệnh trạng cụ thể của quý vị. Phần thứ hai của danh mục thuốc liệt kê tất cả các sản phẩm theo thứ tự bảng chữ cái. Quý vị có thể sử dụng phần này của danh mục thuốc để tra cứu loại thuốc cụ thể của quý vị theo tên. Các sản phẩm được liệt kê trong danh mục thuốc theo nhiều bậc, mỗi bậc tương ứng với khoản đồng thanh toán hoặc khoản đồng bảo hiểm liên quan mà quý vị có thể chịu trách nhiệm chi trả. Chú thích trong danh sách thuốc dưới đây cung cấp thông tin tổng quan về các bậc thuốc.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường. Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

Bậc 0 - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng cho mục đích phòng ngừa và được Đạo luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng quy định. Các loại thuốc được chọn bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm giúp cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Một số giới hạn nhất định được áp dụng.

Bậc 1_A - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho các loại thuốc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Các thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.

Bậc 1_B - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Các thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.

Bậc 2 - Khoản đồng thanh toán trung bình cho các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị cho cùng bệnh trạng.

Bậc 3 - Khoản đồng thanh toán cao cho các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể bao gồm các loại thuốc không phải thuốc chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm

Bậc 4 - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể yêu cầu mua thuốc tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Danh mục thuốc này chứa các thông tin quan trọng khác. Các hạn chế về quản lý sử dụng như Sự Chấp Thuận Trước, Liệu Pháp Từng Bước, Giới Hạn Số Lượng, Giới Hạn Độ Tuổi và các hạn chế khác được mô tả bên cạnh mỗi sản phẩm.

Sự Chấp Thuận Trước

Các loại thuốc được liệt kê trong danh mục thuốc có từ viết tắt PA bị hạn chế bởi yêu cầu Sự Chấp Thuận Trước. Trước khi nhận được loại thuốc này, nhà cung cấp của quý vị sẽ phải gửi yêu cầu tới Ambetter from Louisiana Healthcare Connections để phê duyệt sản phẩm này cho quý vị.

Liệu Pháp Từng Bước

Các loại thuốc được liệt kê trong danh mục thuốc có từ viết tắt ST bị hạn chế bởi yêu cầu Liệu Pháp Từng Bước. Nếu quý vị đã thử dùng sản phẩm được yêu cầu trước khi yêu cầu mua thuốc bị hạn chế bởi ST, yêu cầu thanh toán của quý vị sẽ được xử lý. Nếu chúng tôi không có hồ sơ cho thấy quý vị đã thử dùng sản phẩm được yêu cầu, người kê toa của quý vị có thể liên hệ với Ambetter from Louisiana Healthcare Connections để được chấp thuận

Giới Hạn Số Lượng

Các loại thuốc được liệt kê trong danh mục thuốc có từ viết tắt QL bị giới hạn bởi yêu cầu Giới Hạn Số Lượng. Chúng tôi liệt kê từng giới hạn số lượng theo đơn vị có thể đạt được trong một khoảng thời gian (tức là 2 viên mỗi ngày).

Giới Hạn Độ Tuổi

Các loại thuốc được liệt kê trong danh mục thuốc có chữ viết tắt AL được giới hạn ở một số độ tuổi nhất định. Chúng tôi liệt kê từng giới hạn độ tuổi dựa trên sự phê duyệt của FDA đối với các loại thuốc.

Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Các loại thuốc được liệt kê trong danh mục thuốc có chữ viết tắt NF là các thuốc không thuộc danh mục thuốc. Để có thể tiếp cận các loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, người kê toa của quý vị có thể liên hệ với Ambetter from Louisiana Healthcare Connections để được chấp thuận. Thông tin thêm được cung cấp trong phần dưới đây.

SỰ CHẤP THUẬN TRƯỚC ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUỐC KHÔNG THUỘC DANH MỤC THUỐC

Để có được sự chấp thuận trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Chấp Thuận Trước. Bộ phận Dịch Vụ Nhà Thuốc sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu bị từ chối, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu chấp thuận trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

CÔNG BỐ CHI PHÍ VƯỢT TRỘI

Mọi khoản tiết kiệm hoặc tiền hoàn trả mà chúng tôi nhận được từ chi phí thuốc mua theo hợp đồng này từ các nhà sản xuất thuốc đều được sử dụng để ổn định giá cả. Quý vị có thể phải chịu gánh nặng chi phí tiêu dùng vượt trội khi các thuốc theo toa được đài thọ được mua theo hợp đồng này.

TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ ĐỐI VỚI LIỆU PHÁP TỪNG BƯỚC

Chúng tôi sẽ cấp ngoại lệ cho liệu pháp từng bước hoặc phác đồ “thất bại trước” khi:

- (1) Bác sĩ kê toa có thể chứng minh với chương trình bảo hiểm y tế, dựa trên bằng chứng lâm sàng hợp lý, rằng phương pháp điều trị ưu tiên cần có trong liệu pháp từng bước hoặc phác đồ thất bại trước đã không hiệu quả trong việc điều trị bệnh hoặc tình trạng y tế của người được bảo hiểm.
- (2) Bác sĩ kê toa có thể chứng minh cho chương trình bảo hiểm sức khỏe, dựa trên bằng chứng lâm sàng hợp lý, rằng phương pháp điều trị ưu tiên cần có trong liệu pháp từng bước hoặc phác đồ thất bại trước được cho là sẽ không hiệu quả dựa trên các đặc điểm thể chất hoặc tinh thần liên quan đã biết và tiền sử bệnh của người được bảo hiểm và các đặc điểm đã biết của chế độ dùng thuốc.
- (3) Bác sĩ kê toa có thể chứng minh cho chương trình bảo hiểm sức khỏe, dựa trên bằng chứng lâm sàng hợp lý, rằng phương pháp điều trị ưu tiên cần có theo liệu pháp từng bước hoặc phác đồ thất bại trước sẽ gây ra hoặc có khả năng gây ra phản ứng bất lợi hoặc tổn hại thể chất khác cho người được bảo hiểm.

Để được cấp ngoại lệ đối với Liệu Pháp Từng Bước, nhà cung cấp của quý vị có thể tuân theo quy trình Chấp Thuận Trước thông thường.

Các Từ Viết Tắt Trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Chấp Thuận Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không Thuộc Danh Mục Thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc bởi yêu cầu “**Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày**” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid đã mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Chấp Thuận Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 day(s) retail; 280 ml per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RINVOQ TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA	HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
Antirheumatic Antimetabolites			HUMIRA PEN AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies			HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.072 ea daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 ea daily); PA			
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA			

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
OTEZLA TABS	4	QL(2 ea daily); PA
OTEZLA TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OTEZLA TBPK	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
Salicylates			<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>METHADONE HCL SOLN IJ</i>	1B	
Opioid Agonists			<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>CODEINE SULFATE TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)			
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA			

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)			
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)			
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA			
Opioid Combinations					
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone-ibuprofen</i> 7.5 MG-200 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS</i> 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS</i> 325 MG-2.5 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate</i> FILM SL 3 MG-12 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate</i> FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate</i> SUBL	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl</i> SOLN	1B	
<i>buprenorphine hcl</i> SUBL	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine</i> PTWK	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butorphanol tartrate</i> NA 10 MG/ML	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>butorphanol tartrate</i> IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	1B	
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol</i> CAPS	1B	
<i>methyltestosterone</i> TABS	1B	
<i>testosterone cypionate</i> SOLN IM	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate</i> SOLN IM	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
UCERIS (<i>budesonide (intrarectal)</i>)	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal)</i> EX	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 gm daily)
RECTIV (<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>)	3	QL(2 gm daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EMVERM CHEW	2	QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANGIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>flecainide acetate</i>	1B		<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B		SPIRIVA HANDIHALER CAPS (<i>tiotropium bromide monohydrate</i>)	2	QL(1 ea daily)
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B		SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
Antiarrhythmics Type III			<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B		Leukotriene Modulators		
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B		<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dofetilide</i>	1B		<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions			<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies			<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA	<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA	Steroid Inhalants		
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA	ALVESCO	3	PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA	ARNUIITY ELLIPTA	2	
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA	<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA	<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA	PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	QVAR REDIHALER	2	
Anti-Inflammatory Agents			Sympathomimetics		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)	AIRDUO DIGIHALER 113/14	3	
Bronchodilators - Anticholinergics			AIRDUO DIGIHALER 232/14	3	
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)	AIRDUO DIGIHALER 55/14	3	
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)			

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AIRSUPRA	3	
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)
BREO ELLIPTA	2	
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	
DULERA	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)
PROAIR DIGIHALER	3	
PROAIR RESPICLICK AEPB	3	
SEREVENT DISKUS	2	
STIOLTO RESPIMAT	2	
STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Xanthines		
<i>aminophylline SOLN</i>	1B	
<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)
<i>theophylline TB12</i>	1B	
<i>theophylline TB24</i>	1B	
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 day(s) retail; 900 ml per 30 days mail)
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP	<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 day(s) retail; 7 ml per 180 days mail); SP	<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP	<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP	<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 day(s) retail; 5 ml per 180 days mail); SP	NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B		VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B		VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
Thrombin Inhibitors			VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B		Anticonvulsants - Misc.		
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures			APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST
AMPA Glutamate Receptor Antagonists			BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA	BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA	BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA	<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1B	
Anticonvulsants - Benzodiazepines			<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B	
			<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
			<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<i>carbamazepine SUSP</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbamazepine TABS</i>	1B	
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
EPIDIOLEX	3	PA
<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)
<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
<i>lamotrigine TBP</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA
TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
Carbamates		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
Hydantoins		
DILANTIN	2	
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
Succinimides		
CELONTIN (<i>methsuximide</i>)	3	QL(4 ea daily)
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 ea daily)
ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 ea daily)
Valproic Acid		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antidepressants - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
EMSAM	3	QL(1 ea daily)
MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)	Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B		<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1B	
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Tricyclic Agents		
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)	<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>amoxapine</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>clomipramine hcl</i>	1B	
Serotonin Modulators			<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>nefazodone hcl</i>	1B		<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B		<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA	<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail	<i>imipramine pamoate</i>	1B	
			<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
			<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
			<i>protriptyline hcl</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar			<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Alpha-Glucosidase Inhibitors			SOLQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
Antidiabetic Combinations			SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 ea daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 ea daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 ea daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	Biguanides		
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)			
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)			

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Incretin Mimetic Agents		
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
VICTOZA (<i>liraglutide</i>)	2	QL(0.3 ml daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
LEVEMIR SOLN	3	PA
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)

ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea

Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	

ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS

Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	

Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA

Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	

ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 ea daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily)
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPB	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
QUZYTIR SOLN IV	3	PA
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>clonidine PTWK</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily; 9 ea per 3 day(s) retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomicin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 day(s) retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>melphalan</i>	1B	
<i>melphalan hcl IV</i>	1B	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antimetabolites			LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Antibodies		
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	ADCETRIS	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	ARZERRA	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	RUXIENCE	4	PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		TRUXIMA	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		YERVOY	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP	KANJINTI	4	PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	OGIVRI	4	PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	PERJETA	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	TRAZIMERA	4	PA
TABLOID	4	SP; PA	TUKYSA	4	PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA	Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors			ERBITUX	4	SP; PA
INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA	<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	TAGRISO 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA
			TAGRISO 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA
			VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA
			VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
DAURISMO	4	PA
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 ea daily); SP
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
EMCYT	4	SP; PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP
FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA
<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
<i>letrozole</i>	1B	
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0358 ea daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
LYSODREN	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
ORGOVYX	4	PA
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>toremifene citrate</i>	1B	
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators		
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
XPOVIO	4	PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA
Antineoplastic Antibiotics		
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	COPIKTRA	4	PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
Antineoplastic Combinations			IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	PA	IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	PA	ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	PA	<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
ALUNBRIG TBPk	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
BALVERSA	4	PA	INREBIC	4	PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KISQALI	4	PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA	KOSELUGO	4	PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA	KYPROLIS	4	PA
BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
BRUKINSA	4	PA	LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA	LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST SOLR	4	PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST TABS	4	PA
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA	MEKTOVI	4	SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA	NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA
			<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
			PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA	VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
QINLOCK	4	PA	XOSPATA	4	PA
RETEVMO CAPS	4	PA	ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA	ZELBORAF	4	SP; PA
SCEMBLIX 20 MG	4	QL(2 ea daily); PA	ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 ea daily); PA	ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
SCEMBLIX 40 MG	4	QL(10 ea daily); PA	Antineoplastic Enzymes		
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ONCASPAR	4	SP; PA
SPRYCEL (<i>dasatinib</i>)	4	QL(1 ea daily); SP; PA	Antineoplastics Misc.		
STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
TABRECTA	4	PA	<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
TAFINLAR CAPS	4	PA	<i>hydroxyurea</i>	1B	
TAFINLAR TBSO	4	PA	MATULANE	4	SP; PA
TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA	NIPENT	4	SP; PA
TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
TAZVERIK	4	PA	SYNRIBO	4	SP; PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
TIBSOVO	4	PA	UVADEX	4	SP; PA
TURALIO	4	PA	Chemotherapy Adjuncts		
VERZENIO	4	PA	KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
VITRAKVI CAPS	4	PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
			<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B		<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
VORAXAZE	4	SP; PA	<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
Mitotic Inhibitors			<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA	<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA	<i>tolcapone</i>	1B	
ETOPOPHOS	4	SP; PA	Antiparkinson Dopaminergics		
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA	<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	PA	<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
HALAVEN (<i>eribulin mesylate</i>)	4	SP; PA	<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA	<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
JEVTANA	4	SP; PA	<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA	<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
Topoisomerase I Inhibitors			<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA	NEUPRO	2	
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA	<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4		<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4		<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease			<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
Antiparkinson Adjunctive Therapy			<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>carbidopa</i>	1B		Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
Antiparkinson Anticholinergics			<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B				

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA
FANAPT TITRATION PACK	2	PA
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
RISPERDAL CONSTA (<i>risperidone microspheres</i>)	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B		<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B		<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B		<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>perphenazine TABS</i>	1B		<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>prochlorperazine</i>	1B		<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B		<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>thioridazine hcl</i>	1B		<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B		EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)
Quinolinone Derivatives			<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)
REXULTI	3	PA	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Thioxanthenes			FUZEON SOLR	4	SP; PA
<i>thiothixene</i>	1B		GENVOYA	3	QL(1 ea daily)
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections			INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)
Antiretrovirals			ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)	ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)	ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	JULUCA	3	QL(1 ea daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST	LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)
<i>darunavir TABS</i>	1B		<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)			

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
NORVIR CAPS	2	QL(12 ea daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
PREZISTA TABS (<i>darunavir</i>)	3	
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 ea daily)
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 ea daily)
RUKOBIA	4	PA
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>stavudine CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
TYBOST	3	QL(1 ea daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
CMV Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 ea daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 200 MG	4	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
VOSEVI	4	QL(1 ea daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1B	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPB	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS (<i>ivabradine hcl</i>)	3	QL(2 ea daily); PA
<i>ivabradine hcl</i> TABS	1B	QL(2 ea daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil</i> CAPS	1B	
<i>cefadroxil</i> SUSR	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cefadroxil</i> TABS	1B	
<i>cefazolin sodium</i> SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	1B	
<i>cephalexin</i> CAPS	1B	
<i>cephalexin</i> SUSR	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor</i> CAPS	1B	
<i>cefaclor</i> SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	1B	
<i>cefotetan disodium</i> IJ 1 GM, 2 GM	1B	
<i>cefoxitin sodium</i> IV 1 GM, 2 GM	1B	
<i>cefprozil</i> SUSR	1B	
<i>cefprozil</i> TABS	1B	
<i>cefuroxime axetil</i> TABS	1B	
<i>cefuroxime sodium</i> IJ 750 MG	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir</i> CAPS	1B	
<i>cefdinir</i> SUSR	1B	
<i>cefixime</i> CAPS	1B	
<i>cefixime</i> SUSR	1B	ST
<i>cefotaxime sodium</i> IJ 1 GM, 2 GM	1B	
<i>cefpodoxime proxetil</i> SUSR	1B	
<i>cefpodoxime proxetil</i> TABS	1B	
<i>ceftazidime</i> IJ 1 GM, 6 GM	1B	
<i>ceftriaxone sodium</i> IJ 250 MG	1A	
<i>ceftriaxone sodium</i> IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG	1B	
Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefepime hcl</i> SOLR IV 2 GM	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Cephalosporins - 5th Generation		
TEFLARO	3	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
Combination Contraceptives - Oral		
BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron)	0	
desogestrel & ethinyl estradiol	0	
desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	0	
desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	0	
drospirenone-ethinyl estradiol	0	
drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium	0	
ethynodiol diacet & eth estrad	0	
FEMLYV TBDP	0	
levonorgestrel & eth estradiol TABS	0	
levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	0	
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG	0	
levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	0	
levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0	
NATAZIA	0	
NEXTSTELLIS	0	
norethin acet & estrad-fe CAPS	0	
norethin acet & estrad-fe CHEW	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	0	
norethindrone & eth estradiol	0	
norethindrone & ethinyl estradiol-fe	0	
norethindrone acet & eth estra TABS	0	
norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	0	
norethindrone-eth estradiol (triphasic)	0	
norgestimate-ethinyl estradiol	0	
norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	0	
norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	0	
TYBLUME CHEW	0	
Combination Contraceptives - Transdermal		
norelgestromin-ethinyl estradiol	0	
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 day(s) retail; 9 ea per 84 days mail)
Combination Contraceptives - Vaginal		
ANNOVERA	0	
etonogestrel-ethinyl estradiol	0	QL(0.05 ea daily)
Copper Contraceptives - IUD		
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	0	
Emergency Contraceptives		
ELLA	0	
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Progestin Contraceptives - Implants			<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
NEXPLANON	0		<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Injectable			<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		EMFLAZA SUSP (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 day(s) retail)	EMFLAZA TABS (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 day(s) retail)	<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
Progestin Contraceptives - IUD			<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
KYLEENA	0		MEDROL TABS	3	
LILETTA 20.1 MCG/DAY	0		<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
MIRENA	0		<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
SKYLA	0		<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
OPILL	0		<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
SLYND	0	QL(1 ea daily)	<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions			<i>prednisolone TABS</i>	1B	
Glucocorticosteroids			<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>deflazacort SUSP</i>	4	PA	<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA	<i>prednisone TBPK</i>	1B	
DEPO-MEDROL SUSP	3		SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B		SOLU-CORTEF 250 MG	3	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B		SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B				
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B				

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
TUZISTRA XR	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST; RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 day(s) retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 day(s) retail; 15 gm per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 gm per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)	PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	Antipruritics - Topical		
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	Antipsoriatics		
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ml daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B		<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>tavaborole</i>	1B	PA	<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
Anti-inflammatory Agents - Topical			<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical			COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
			COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
			COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
			<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>amcinonide LOTN</i>	3	
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA	<i>amcinonide OINT</i>	3	
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
TREMFYA SOLN	4	QL(0.72 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)			
Burn Products					
<i>mafenide acetate PACK</i>	3				
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)			
SULFAMYLON CREA	3				
Corticosteroids - Topical					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA	<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	HALOG OINT	3	PA
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 ea daily); RX/OTC
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
			<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
			<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
			<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>prednicarbate OINT</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
SYNERA PTCH	3	QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
Wound Care Products		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP-K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
KETONE STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B	
PRECISION XTRA	1B	
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE TRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>torsemide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
DIURIL SUSP	2	QL(20 ml daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
FORTEO SOPN (<i>teriparatide</i>)	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
Growth Hormone Receptor Antagonists		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA 2 MG	4	PA
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI SC	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	SP; PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
STRENSIQ	4	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate KIT</i>	4	PA
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (<i>octreotide acetate</i>)	4	PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Vasopressin Receptor Antagonists		
JYNARQUE TBPK	4	SP; PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
ACTIVELLA TABS 1 MG-0.5 MG (<i>estradiol & norethindrone acetate</i>)	3	
ANGELIQ	3	
BIJUVA	3	
CLIMARA PRO	3	
COMBIPATCH PTTW	3	
DUAVEE	3	
<i>esterified estrogens & methyltestosterone</i>	3	
<i>estradiol & norethindrone acetate TABS</i>	3	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREFEST	3	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL 0.06 %</i>	3	
<i>estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM</i>	1B	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL (<i>estradiol</i>)	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
CIPRO SUSR	2	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
Interstitial Cystitis Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AFSTYLA	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIIO	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		
TAVALISSE	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
NYVEPRIA	4	PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROMACTA PACK	4	QL(1 ea daily); PA
PROMACTA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL (<i>plerixafor</i>)	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Saline Laxatives		
OSMOPREP	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS	2	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0		K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	
DUREX TROPICAL MISC	0		K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		MAXX LUBRICATED MISC	0	
FANTASY LUBRICATED MISC	0		MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
FEMCAP DEVI	0		REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0		REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	
KIMONO COLORS DEVI	0		REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	
KIMONO LUBRICATED MISC	0		TROJAN MAGNUM MISC	0	
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0		TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	0	
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	0	
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0		TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	0	
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0		TRUE COVER DEVI	0	
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	
KIMONO SPECIAL DEVI	0		TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDDED MISC	0	
			TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0		FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0		RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0		SELECT LANCETS	1B	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0		SELECT LANCETS	1	6.66/day
Diabetic Supplies					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B		<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
Parenteral Therapy Supplies			<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day; #	<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day	<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches			<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag			<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA	<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); ST	<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Combinations			<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail; 10 ea per 30 days mail)			
Migraine Products					
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)			
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B				
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)			
Serotonin Agonists					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
MINERALS & ELECTROLYTES		
Bicarbonates		
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B	
Calcium		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
Electrolyte Mixtures		
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B	
<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B	
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B	
ISOLYTE-S	1B	
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B	
<i>lactated ringer's</i>	1B	
NORMOSOL-M/D5W	1B	
NORMOSOL-R	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B	
PLASMA-LYTE-148 (<i>electrolyte-148</i>)	1B	
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B	
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1B	
<i>ringer's</i>	1B	
Fluoride		
<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
Magnesium		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B	
Phosphate		
<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1B	
Potassium		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B		<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B		<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B		<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B		<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA	ENSPRYNG	4	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 ea daily); PA
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B		<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
Sodium			<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B		<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES			NULOJIX	4	SP; PA
Chelating Agents			PROGRAF PACK	2	PA
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA	PROGRAF SOLN	2	
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)	SIMULECT	3	
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA	<i>sirolimus TABS</i>	1B	
Immunomodulators			<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	Irrigation Solutions		
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
Immunosuppressive Agents			<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
ATGAM	4	SP; PA	<i>ringer's irrigation</i>	1B	
AZATHIOPRINE	1B		<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B		Potassium Removing Agents		
			LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
			<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B		EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS			GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
Anesthetics Topical Oral			KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B		MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)	M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Anti-infectives - Throat			MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>clotrimazole</i>	1B		NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Antiseptics - Mouth/Throat			NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
DEBACTEROL	2		NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Dental Products			ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
Steroids - Mouth/Throat/Dental			PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B		PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
Throat Products - Misc.			PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>cevimeline hcl</i>	1B		PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B		PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
MULTIVITAMINS			PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
Ped MV w/ Fluoride					
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC			
Prenatal Vitamins					
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)			

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen</i> TABS	1B	
<i>carisoprodol</i> TABS	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlorzoxazone</i> TABS 500 MG	1B	QL(6 ea daily)
<i>chlorzoxazone</i> TABS 750 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl</i> TABS 5 MG, 10 MG	1A	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone</i> 800 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol</i> TABS 500 MG, 750 MG	1B	
<i>orphenadrine citrate</i> TB12	1B	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl</i> CAPS	1B	
<i>tizanidine hcl</i> TABS	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium</i> CAPS	1B	QL(4 ea daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal)</i> 0.06 %	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal)</i> 0.03 %	1B	QL(1 ml daily)
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i> 0.025 %	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal)</i> SUSP	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal)</i> SUSP	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal)</i> AERO	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to		

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 100 MG/10ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>apraclonidine hcl</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
IOPIDINE	3	
Ophthalmic Anti-infectives		
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
BESIVANCE	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Ophthalmic Steroids		
ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymyx-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymyx-dexameth SUSP</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
PRED-G SUSP	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmic Surgical Aids		
HEALON PRO SOSY	3	PA
PROVISC SOSY	3	PA
Ophthalmics - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALOCRIAL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
<i>LUCEMYRA (lofexidine hcl)</i>	3	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)
Fibromyalgia Agents		
<i>SAVELLA TITRATION PACK MISC</i>	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
<i>SAVELLA TABS</i>	2	QL(2 ea daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
<i>AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPk</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPk</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>AUSTEDO XR TB24</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>AUSTEDO TABS</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>INGREZZA CAPS</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>INGREZZA CPPK</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
<i>INGREZZA CPSP</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
<i>AVONEX PEN AJKT</i>	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
<i>AVONEX PSKT</i>	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
<i>BETASERON KIT</i>	4	QL(0.5 ea daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluorocyclines		
XERAVA	4	PA
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TETANUS/DIPHtheria TOXoids-ADSORBED ADULT SUSP	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI	0	
MENVEO SOLN	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN	0	
PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
TRUMENBA	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail
Viral Vaccines		
ABRYSVO	0	
AFLURIA 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0	
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0	
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	
COMIRNATY 2024-25 SUSY	0	
COMIRNATY SUSP	0	
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
FLUAD 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK 2024-2025 SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
			FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
HAVRIX	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 292 day(s) retail; 2 max fill(s) per 292 day(s) mail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	0	
IPOL INACTIVATED IPV	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
JANSSEN COVID-19 VACCINE	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6 M-4Y	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/B A.4/BA.5	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6M O-5Y	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA. 4/BA.5	0		PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0				
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0				
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0				

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
RECOMBIVAX HB SUSP	0	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	
ROTARIX SUSP	0	
ROTARIX SUSR	0	
ROTATEQ SOLN	0	
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA	0	
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Miscellaneous Vaginal Products		
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 day(s) retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
ESTRING RING	3	
FEMRING	3	
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
NIACIN TR TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	30	ACTIVELLA TABS 1 MG-0.5 MG (estradiol & norethindrone acetate) 46	AIMOVIG	54	
abacavir sulfate TABS	30	acyclovir CAPS	31	AIMSCO LUBRICATED MISC	51
abacavir sulfate-lamivudine	30	acyclovir SUSP	31	AIRDUO DIGIHALER 113/14	9
ABELCET	18	acyclovir TABS OR	31	AIRDUO DIGIHALER 232/14	9
abiraterone acetate 250 MG	25	acyclovir topical CREA	40	AIRDUO DIGIHALER 55/14	9
abiraterone acetate 500 MG	25	acyclovir topical OINT	40	AIRSUPRA	10
ABRYSSVO	66	ADACEL SUSP	64	AKYNZEO	17
acamprosate calcium	62	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	albendazole	7
acarbose	15	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	albuterol sulfate AERS	10
acebutolol hcl CAPS	32	adapalene CREA	37	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML	10
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene GEL	37	albuterol sulfate SYRP	10
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	37	albuterol sulfate TABS	10
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADCETRIS	24	alclometasone dipropionate CREA	40
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	adefovir dipivoxil	31	alclometasone dipropionate OINT	40
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADEMPAS	34	ALDURAZYME	45
acetazolamide CP12	44	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	64	ALECENSA	26
acetazolamide sodium	44	ADVATE	48	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	44
acetazolamide TABS 125 MG	44	ADYNOVATE	48	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	44
acetazolamide TABS 250 MG	44	AFLURIA 2024-2025 SUSP	66	alfuzosin hcl	48
acetic acid (otic)	60	AFLURIA 2024-2025 SUSY	66	ALINIA SUSR	21
acetic acid 0.25 %	48	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	66	aliskiren fumarate	21
acetylcysteine SOLN	37	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	66	allopurinol 100 MG, 300 MG	48
acitretin 10 MG, 17.5 MG	39	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	66	almotriptan malate 12.5 MG	54
acitretin 25 MG	39	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	66	almotriptan malate 6.25 MG	54
ACTHAR GEL	45	AFSTYLA	49	ALOCRIAL	60
ACTHIB SOLR IM	66			alogliptin benzoate	16
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	27			alogliptin-metformin hcl	15

alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	aminophylline SOLN	1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML	1
ALOMIDE	amiodarone hcl TABS	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG
alosetron hcl	amitriptyline hcl TABS	1
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	amlodipine besylate TABS	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG
alprazolam TABS 2 MG	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	1
alprazolam TB24	amlodipine besylate-benazepril hcl 20	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG
alprazolam TBDP	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	1
ALPROLIX	amlodipine besylate-valsartan	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG
ALREX SUSP (loteprednol etabonate)	amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide	1
ALTABAX	amoxapine	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG
ALTUVIIIO	amoxicillin & pot clavulanate CHEW 61	1
ALUNBRIG TABS	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 61	amphotericin b IV
ALUNBRIG TBPK	amoxicillin & pot clavulanate TABS 61	18
ALVESCO	amoxicillin & pot clavulanate TB12	amphotericin b liposome
alvimopan	amoxicillin CAPS	18
amantadine hcl CAPS	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG 61	ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM
amantadine hcl SOLN	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	61
amantadine hcl TABS	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	ampicillin CAPS 500 MG
ambrisentan	amoxicillin TABS	61
amcinonide CREA	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	65
amcinonide LOTN	amphetamine sulfate TABS	1
amcinonide OINT	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-	1
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML		
amiloride & hydrochlorothiazide		
amiloride hcl TABS		
aminocaproic acid TABS		
		ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR
		ANGELIQ
		ANNOVERA
		ANORO ELLIPTA
		ANZEMET TABS 50 MG
		APIDRA SOLN
		APIDRA SOLOSTAR SOPN

apomorphine hydrochloride SOCT 28	aspirin TBEC 325 MG 5	azacitidine SUSR 24
apraclonidine hcl 59	aspirin TBEC 81 MG 5	AZASITE 59
aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG . 18	aspirin-dipyridamole 49	AZATHIOPRINE 56
aprepitant CAPS 80 MG 18	atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG 30	azathioprine TABS 56
aprepitant CAPS 18	atazanavir sulfate CAPS 200 MG . 30	azelaic acid GEL 42
aprepitant MISC 18	atenolol & chlorthalidone 20	azelastine hcl (ophth) 60
APTIOM 11	atenolol TABS 32	azelastine hcl 58
APTIVUS CAPS 30	ATGAM 56	AZELEX 37
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML 49	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG 1	azithromycin PACK 51
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML 49	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG 1	azithromycin SOLR 51
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ... 49	atorvastatin calcium TABS 19	azithromycin SUSR 51
ARCALYST 3	atovaquone 21	azithromycin TABS 250 MG 51
AREXVY 66	atovaquone-proguanil hcl 22	azithromycin TABS 500 MG 51
arformoterol tartrate 10	atracurium besylate 100 MG/10ML 59	azithromycin TABS 600 MG 51
ARIKAYCE 2	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML 65	aztreonam 1 GM 22
aripiprazole SOLN OR 30	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML 65	bacitracin (ophthalmic) 59
aripiprazole TABS 30	ATROVENT HFA 9	bacitracin 21
armodafinil 1	AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPK 62	baclofen TABS 58
ARMOUR THYROID TABS 64	AUSTEDO TABS 62	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron) 35
ARNUITY ELLIPTA 9	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK 62	balsalazide disodium CAPS 47
arsenic trioxide 10 MG/10ML 27	AUSTEDO XR TB24 62	BALVERSA 26
ARZERRA 24	avanafil 33	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11
ascorbic acid SOLN IJ 70	AVONEX PEN AJKT 62	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11
asenapine maleate 2.5 MG 29	AVONEX PSKT 62	BARACLUDGE SOLN 31
asenapine maleate 5 MG, 10 MG . 29	AYVAKIT 25	BASAGLAR KWIKPEN SOPN 16
aspirin CHEW 5		BAXDELA SOLR 47
aspirin TABS 325 MG 5		BAXDELA TABS 47
		BELSOMRA 50

benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20	augmented CREA	40	bosentan TABS 125 MG	33
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20	betamethasone dipropionate augmented LOTN	40	bosentan TABS 62.5 MG	33
benazepril hcl	20	betamethasone dipropionate augmented OINT	40	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	26
bendamustine hcl SOLR	23	betamethasone valerate CREA ...	40	BOSULIF TABS 400 MG	26
BENEFIX KIT	49	betamethasone valerate FOAM ...	40	BRAFTOVI 75 MG	26
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD .	37	betamethasone valerate LOTN ...	40	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)	10
BENZEPRO FOAM 5.3 %	37	betamethasone valerate OINT	40	BREO ELLIPTA	10
benzonatate 100 MG	37	BETASERON KIT	62	BREZTRI AEROSPHERE	10
benzonatate 150 MG	37	betaxolol hcl (ophth) SOLN	59	BRILINTA	49
benzonatate 200 MG	37	betaxolol hcl	32	brimonidine tartrate (topical)	42
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	37	bethanechol chloride 25 MG	66	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	59
benzoyl peroxide GEL 10 %	37	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	66	brimonidine tartrate-timolol maleate .	59
benzoyl peroxide GEL 5 %	37	bexarotene (topical)	39	brinzolamide	60
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	37	bexarotene	27	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML ..	11
benzoyl peroxide-erythromycin GEL .	37	BEXSERO	66	BRIVIACT TABS	11
benztropine mesylate SOLN	28	bicalutamide	25	bromfenac sodium (ophth)	60
benztropine mesylate TABS	28	BIJUVA	46	bromocriptine mesylate CAPS	28
bepotastine besilate	60	BIKTARVY	30	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	28
BESIVANCE	59	bimatoprost SOLN	60	BRUKINSA	26
betaine	45	bisacodyl SUPP	51	budesonide (inhalation) SUSP	9
betamethasone dipropionate (topical) CREA	40	bisacodyl TBEC	51	budesonide (intrarectal)	7
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	40	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20	budesonide (nasal)	58
betamethasone dipropionate (topical) OINT	40	bisoprolol fumarate	32	budesonide CPEP	36
betamethasone dipropionate		bleomycin sulfate 15 UNIT	25	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10
		BOOSTRIX SUSP	64	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	44
		BOOSTRIX SUSY	64	bumetanide TABS	44
		bortezomib SOLR IJ	26	buprenorphine hcl SOLN	7
		BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	26		

buprenorphine hcl SUBL	7	butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5	captopril 12.5 MG	20
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7	butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG ..	20
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7	butenafine hcl	38	carbamazepine CHEW 100 MG ...	11
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7	butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	carbamazepine CP12 100 MG	11
buprenorphine PTWK	7	butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7	carbamazepine CP12 200 MG	11
bupropion hcl (smoking deterrent) 63		cabergoline	46	carbamazepine CP12 300 MG	11
bupropion hcl TABS	13	CABLIVI	49	carbamazepine SUSP	11
bupropion hcl TB12 100 MG	13	CABOMETRYX TABS	26	carbamazepine TABS	12
bupropion hcl TB12 150 MG	13	calcipotriene CREA	39	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12
bupropion hcl TB12 200 MG	13	calcipotriene OINT	39	carbamazepine TB12 200 MG	12
bupropion hcl TB24 150 MG	13	calcipotriene SOLN	39	carbidopa	28
bupropion hcl TB24 300 MG	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	40	carbidopa-levodopa TABS	28
buspiron hcl 5 MG	8	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	41	carbidopa-levodopa TBCR	28
buspiron hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8	calcitonin (salmon) NA	44	carbidopa-levodopa TBDP	28
busulfan SOLN	23	calcitriol (topical)	39	carbidopa-levodopa-entacapone .	28
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	5	calcitriol CAPS	45	carbinoxamine maleate SOLN	18
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4	calcitriol SOLN IV	45	carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	18
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS	48	carboplatin SOLN 50 MG/5ML	23
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) TABS	48	carisoprodol TABS	58
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	calcium chloride (dihydrate) SOLN	55	carmustine	23
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	calcium polycarbophil TABS	51	carteolol hcl (ophth)	59
		CALQUENCE	26	carvedilol	32
		candesartan cilexetil	20	carvedilol phosphate	32
		candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide	20	caspofungin acetate	18
		capecitabine	24	CAYA DPRH	51
		CAPRELSA	26	CAYSTON	22
				cefaclor CAPS	34
				cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	34

cefadroxil CAPS	34	CHEMET	17	ciclopirox olamine CREA	38
cefadroxil SUSR	34	CHEMSTRIP-K STRP	43	ciclopirox olamine SUSP	38
cefadroxil TABS	34	chloramphenicol sodium succinate 22		ciclopirox SHAM	38
cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	34	chlordiazepoxide hcl CAPS	8	ciclopirox SOLN	38
cefdinir CAPS	34	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	65	cidofovir	31
cefdinir SUSR	34	chlordiazepoxide-amitriptyline	62	cilostazol	49
cefepime hcl SOLR IV 2 GM	34	chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	57	CIMDUO	30
cefixime CAPS	34	chloroquine phosphate TABS 250 MG	22	cimetidine TABS	65
cefixime SUSR	34	chloroquine phosphate TABS 500 MG	22	cinacalcet hcl	45
cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	34	chlorpromazine hcl SOLN	29	CIPRO SUSR	47
cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	34	chlorpromazine hcl TABS	29	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	59
cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	34	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	44	ciprofloxacin hcl (otic)	60
cefpodoxime proxetil SUSR	34	chlorzoxazone TABS 500 MG	58	ciprofloxacin hcl TABS	47
cefpodoxime proxetil TABS	34	chlorzoxazone TABS 750 MG	58	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML	47
cefprozil SUSR	34	CHOLBAM	47	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML	47
cefprozil TABS	34	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT	70	ciprofloxacin-dexamethasone	60
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	34	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	70	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 61	
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG	34	cholestyramine light PACK	19	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	23
ceftriaxone sodium IJ 250 MG	34	cholestyramine light POWD	19	citalopram hydrobromide SOLN ...	13
cefuroxime axetil TABS	34	cholestyramine PACK	19	citalopram hydrobromide TABS 10 MG	13
cefuroxime sodium IJ 750 MG	34	cholestyramine POWD	19	citalopram hydrobromide TABS 20 MG	13
celecoxib	4	choline fenofibrate	19	citalopram hydrobromide TABS 40 MG	13
CELONTIN (methsuximide)	13	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 45		clarithromycin SUSR	51
cephalexin CAPS	34	ciclopirox GEL	38	clarithromycin TABS	51
cephalexin SUSR	34			clarithromycin TB24	51
CERDELGA	49			CLASSIC PRENATAL TABS	57
CEREZYME 400 UNIT	49				
cetirizine hcl TABS	18				
cevimeline hcl	57				

clemastine fumarate SYRP	18	clobetasol propionate CREA 0.05 % .	29
clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	18	41	clozapine TBDP 25 MG
CLIMARA PRO	46	clobetasol propionate emollient base	COARTEM
clindamycin hcl	22	0.05 %	22
clindamycin palmitate hydrochloride .	22	clobetasol propionate FOAM	codeine sulfate TABS 30 MG
clindamycin phosphate (topical)		41	CODEINE SULFATE TABS
FOAM	37	clobetasol propionate GEL 0.05 %	41
clindamycin phosphate (topical) GEL	37	41	colchicine TABS
37		clobetasol propionate OINT 0.05 %	48
clindamycin phosphate (topical)		41	colchicine w/ probenecid
LOTN	37	clobetasol propionate SOLN 0.05 % .	48
clindamycin phosphate (topical)		41	colesevelam hcl PACK
SOLN	37	41	colesevelam hcl TABS
clindamycin phosphate (topical)		clocortolone pivalate	19
SOLN	37	41	colestipol hcl GRAN
clindamycin phosphate (topical)		41	colestipol hcl PACK
SWAB	37	41	colestipol hcl TABS
clindamycin phosphate SOLN IJ 9		41	19
GM/60ML, 300 MG/2ML, 600		41	COMBIPATCH PTTW
MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000		41	46
MG/60ML	22	41	COMETRIQ KIT
clindamycin phosphate vaginal CREA		41	26
.....	69	41	COMIRNATY 2023-24 SUSP
clindamycin phosphate-benzoyl		41	66
peroxide (refrigerate)	37	41	COMIRNATY 2023-24 SUSY
clindamycin phosphate-benzoyl		41	66
peroxide GEL 5 %-1 %	37	41	COMIRNATY 2024-25 SUSY
clindamycin phosphate-tretinoin ..	37	41	66
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%		41	COMIRNATY SUSP
59		41	66
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	59	41	COMPLERA
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	59	41	30
59		41	CONTRAVE
clobazam SUSP	11	41	1
clobazam TABS	11	41	COPIKTRA
		41	26
		41	CORDRAN TAPE
		41	41
		41	CORLANOR SOLN
		41	34
		41	CORLANOR TABS (ivabradine hcl)
		41	34
		41	CORTISPORIN-TC
		41	61
		41	COSENTYX SENSOREADY PEN
		41	SOAJ
		41	39
		41	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...
		41	39
		41	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .
		41	39
		41	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..
		41	39

CREON CPEP	43	FOR PSORIASIS/UEVITIS AJKT ...	3	deflazacort SUSP	36
CRESEMBA CAPS 186 MG	18	cyproheptadine hcl SYRP	19	deflazacort TABS	36
cromolyn sodium (ophth)	60	cyproheptadine hcl TABS	19	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate)	46
cromolyn sodium NEBU	9	CYSTAGON CAPS	48	DELSTRIGO	30
crotamiton LOTN	43	CYSTARAN	60	demeclocycline hcl TABS	64
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	57	cytarabine SOLN	24	DEPO-ESTRADIOL	46
cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	49	dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11	11	DEPO-MEDROL SUSP	36
cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	58	dacarbazine SOLR 200 MG	27	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	36
cyclophosphamide CAPS	23	dactinomycin	25	desipramine hcl TABS	14
cyclophosphamide SOLR IJ	23	dalfampridine	62	desloratadine TABS	18
cycloserine	23	danazol CAPS	7	desloratadine TBDP 2.5 MG	18
cyclosporine (ophth) EMUL	59	dantrolene sodium CAPS	58	desmopressin acetate SOLN IJ ...	46
cyclosporine CAPS	56	dapagliflozin propanediol	16	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	46
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	56	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG	15	desmopressin acetate spray	46
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	56	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG	15	desmopressin acetate spray refrigerated	46
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	56	dapsone	22	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 46	46
CYLTEZO AJKT	3	DAPTACEL	64	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 46	46
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	3	daptomycin 500 MG	22	desogestrel & ethinyl estradiol	35
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	3	darifenacin hydrobromide	66	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	3	darunavir TABS	30	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	3	dasatinib	26	desonide CREA	41
CYLTEZO STARTER PACKAGE		DAURISMO	25	desonide LOTN	41
		DEBACTEROL	57	desonide OINT	41
		decitabine	24	desoximetasone CREA 0.25 % ...	41
		deferasirox PACK	17	desoximetasone GEL	41
		deferasirox TABS	17		
		deferasirox TBSO	17		
		deferiprone TABS 500 MG	17		

desoximetasone OINT 0.25 %	41	DIACOMIT CAPS 500 MG	12	0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	33
desvenlafaxine succinate 100 MG	14	DIACOMIT PACK 250 MG	12	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	54
desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG	14	DIACOMIT PACK 500 MG	12	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	54
dexamethasone ELIX	36	diazepam (anticonvulsant) GEL	11	DILANTIN (phenytoin sodium extended)	12
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	36	diazepam CONC	8	DILANTIN	12
dexamethasone sodium phosphate (ophth)	60	diazepam SOLN OR 5 MG/5ML	8	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	13
dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	36	diazepam TABS	8	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin)	13
dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML	36	diazoxide	16	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	32
dexamethasone SOLN	36	dichlorphenamide	44	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	32
dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	36	diclofenac epolamine PTCH EX	39	diltiazem hcl CP12	32
dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	36	diclofenac potassium TABS 50 MG	4	diltiazem hcl CP24	32
dexchlorpheniramine maleate SOLN	18	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	39	diltiazem hcl extended release beads	32
dexlansoprazole	65	diclofenac sodium (ophth)	60	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML	32
dexmethylphenidate hcl CP24	2	diclofenac sodium (topical) GEL EX	39	DILTIAZEM HCL SOLR	33
dexmethylphenidate hcl TABS	2	diclofenac sodium TB24	4	diltiazem hcl TABS	33
dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1	diclofenac sodium TBEC	4	diltiazem hcl TB24	33
dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1	diclofenac w/ misoprostol TBEC	4	dimethyl fumarate CDPK	63
dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	1	dicloxacillin sodium	61	dimethyl fumarate CPDR	63
dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1	dicyclomine hcl CAPS	65	DIPENTUM	47
dextrose in lactated ringers	55	dicyclomine hcl SOLN OR	65	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18	
DIACOMIT CAPS 250 MG	12	dicyclomine hcl TABS	65	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18
		DIFFERIN LOTN	37	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML	18
		DIFICID TABS	51		
		diflorasone diacetate CREA	41		
		diflorasone diacetate OINT	41		
		diflunisal TABS	5		
		difluprednate	60		
		digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML	33		
		digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG,			

diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	18	doxepin hcl (sleep)	50 42	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	42
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	17	doxepin hcl CAPS	14	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	42
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17	doxepin hcl CONC	14	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	42
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ..	64	doxercalciferol CAPS	45	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	42
dipyridamole	49	doxercalciferol SOLN	45	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	51
disopyramide phosphate CAPS	8	doxorubicin hcl liposomal SUSP ..	25	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	52
disulfiram	62	doxorubicin hcl SOLN	25	DUREX TROPICAL MISC	52
DIURIL SUSP	44	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	25	dutasteride	48
divalproex sodium TB24	13	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	64	dutasteride-tamsulosin hcl	48
divalproex sodium TBEC	13	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	64	econazole nitrate CREA	38
docetaxel CONC 20 MG/ML	28	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG	64	EDARBI	20
docetaxel SOLN 20 MG/2ML	28	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	64	EDURANT	30
docusate calcium	51	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	64	efavirenz CAPS 200 MG	30
docusate sodium CAPS 100 MG ..	51	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	64	efavirenz CAPS 50 MG	30
docusate sodium CAPS 250 MG ..	51	doxycycline hyclate CAPS	64	efavirenz TABS	30
dofetilide	9	doxycycline hyclate SOLR	64	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	30
donepezil hydrochloride TABS 10 MG	62	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	64	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	30
donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG	62	doxylamine-pyridoxine TBEC	17	EGRIFTA 2 MG	45
donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	62	dronabinol CAPS	17	EGRIFTA SV	45
donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 62	62	drospirenone-ethinyl estradiol	35	ELAPRASE	45
DOPTELET	49	drospirenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium	35	electrolyte-148	55
dorzolamide hcl	60	DROXIA CAPS	49	electrolyte-a	55
dorzolamide hcl-timolol maleate ..	59	DUAVEE	46	ELESTRIN GEL	46
DOVATO	30	DULERA	10	eletriptan hydrobromide	54
doxazosin mesylate	20	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	14	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	25
doxepin hcl (antipruritic)	39	duloxetine hcl CPEP 40 MG	14		
		DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML			

ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25	ENBREL SURECLICK SOAJ	4	EQUETRO 300 MG	29
ELIQUIS STARTER PACK TBPK .	10	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	66	ERAXIS	18
ELIQUIS TABS	10	ENGERIX-B SUSY	66	ERBITUX	24
ELLA	35	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	10	ergocalciferol CAPS	70
ELMIRON CAPS	48	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	10	ergocalciferol SOLN OR	70
ELOCTATE	49	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11	ergoloid mesylates TABS	63
EMCYT	25	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	10	ERGOMAR SUBL	54
EMFLAZA SUSP (deflazacort)	36	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	10	ergotamine w/ caffeine TABS	54
EMFLAZA TABS (deflazacort)	36	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	10	eribulin mesylate	28
EMGALITY SOAJ	54	ENSPRYNG	56	ERIVEDGE	25
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	54	entacapone	28	ERLEADA 240 MG	25
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	54	entecavir TABS	31	ERLEADA 60 MG	25
EMSAM	13	EPIDIOLEX	12	erlotinib hcl	24
emtricitabine CAPS	30	epinastine hcl (ophth)	60	ERTACZO	38
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	30	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	69	ertapenem sodium IJ	21
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	30	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	69	erythromycin (acne aid) PADS	38
EMTRIVA SOLN	30	EPIVIR HBV SOLN	31	erythromycin (acne aid) SOLN	38
EMVERM CHEW	8	eplerenone	21	erythromycin (ophth)	59
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20		EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	49	erythromycin base CPEP	51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20		epoprostenol sodium	33	erythromycin base TABS	51
enalapril maleate TABS	20	EQL PRENATAL FORMULA TABS 57		erythromycin base TBEC	51
ENBREL MINI SOCT	4	EQUETRO 100 MG	29	erythromycin ethylsuccinate SUSR 51	
ENBREL SOLN	4	EQUETRO 200 MG	29	erythromycin ethylsuccinate TABS 51	
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4			escitalopram oxalate SOLN	13
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4			escitalopram oxalate TABS 10 MG 13	
				escitalopram oxalate TABS 20 MG 13	
				escitalopram oxalate TABS 5 MG . 13	
				esomeprazole magnesium CPDR 20	

MG	65	etoposide CAPS	28	FARXIGA	16
esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	65	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	28	FASENRA PEN SOAJ	9
esomeprazole magnesium TBEC ..	65	etravirine 100 MG	30	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9
ESPEROCT	49	etravirine 200 MG	30	FC2 FEMALE CONDOM	52
estazolam	50	EUCRISA	42	febuxostat	48
esterified estrogens & methyltestosterone	46	EVAMIST SOLN	47	felbamate SUSP	12
estradiol & norethindrone acetate TABS	46	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	56	felbamate TABS 400 MG	12
estradiol GEL 0.06 %	46	everolimus (immunosuppressant) 1 MG	56	felbamate TABS 600 MG	12
estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM	46	everolimus TABS	26	felodipine	33
estradiol PTTW	46	EVOTAZ	30	FEMCAP DEVI	52
estradiol PTWK	47	exemestane	25	FEMLYV TBDP	35
estradiol TABS	47	ezetimibe	19	FEMRING	69
estradiol vaginal CREA	69	ezetimibe-simvastatin	19	fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...	19
estradiol vaginal TABS	69	famciclovir 125 MG, 250 MG	31	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
estradiol valerate	46	famciclovir 500 MG	31	fenoprofen calcium TABS	4
ESTRING RING	69	famotidine in nacl SOLN	65	FENSOLVI SC	45
ESTROGEL GEL (estradiol)	47	famotidine SOLN 20 MG/2ML	65	fenfentanyl citrate LPOP	5
eszopiclone	50	famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	65	fenfentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5
ethacrynic acid	44	famotidine SUSR	65	ferrous fumarate-folic acid	50
ethambutol hcl TABS	23	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	65	ferrous sulfite SOLN 15 MG/ML ..	50
ethosuximide CAPS	13	FANAPT	29	ferrous sulfite TABS 65 MG, 325 MG	50
ethosuximide SOLN	13	FANAPT TITRATION PACK	29	ferrous sulfite TBEC 325 MG	50
ethynodiol diacet & eth estrad	35	FANTASY LUBRICATED MISC ...	52	fesoterodine fumarate	66
etodolac CAPS	4	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	52	FETZIMA CP24	14
etodolac TABS	4	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	16	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	
etonogestrel-ethinyl estradiol	35			finasteride	48
ETOPOPHOS	28				

fingolimod hcl63	flucytosine 18	fluoxetine hcl CAPS 20 MG13
FIRDAPSE 23	fludarabine phosphate SOLN24	fluoxetine hcl CAPS 40 MG14
FIRMAGON 25	fludarabine phosphate SOLR24	fluoxetine hcl CPDR14
flavoxate hcl66	fludrocortisone acetate TABS37	fluoxetine hcl SOLN14
flecainide acetate9	FLULAVAL 2024-2025 SUSY 67	fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14
floxuridine 24	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY67	fluoxetine hcl TABS 20 MG 14
FLUAD 2024-2025 66	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY67	fluphenazine hcl CONC29
FLUAD QUADRIVALENT 2022-202367	FLUMIST NASAL VACCINE 2024- 202567	fluphenazine hcl ELIX30
FLUAD QUADRIVALENT 2023-202467	FLUMIST QUADRIVALENT67	fluphenazine hcl SOLN 30
FLUARIX 2024-2025 SUSY 67	flunisolide (nasal) 0.025 %58	fluphenazine hcl TABS30
FLUARIX QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY67	fluocinolone acetonide (otic) 61	flurandrenolide CREA41
FLUARIX QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY67	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 41	flurandrenolide LOTN41
FLUBLOK 2024-2025 SOSY 67	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %41	flurazepam hcl50
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022- 202367	fluocinolone acetonide OIL 41	flurbiprofen sodium60
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023- 202467	fluocinolone acetonide OINT41	flurbiprofen TABS 4
FLUCELVAX 2024-2025 SUSP ... 67	fluocinolone acetonide SOLN41	flutamide25
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY ... 67	fluocinonide CREA 0.05 %41	fluticasone furoate-vilanterol 10
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP67	fluocinonide CREA 0.1 %41	fluticasone propionate (inhalation) AEPB9
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY67	fluocinonide emulsified base41	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 58
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP67	fluocinonide GEL41	fluticasone propionate CREA 0.05 % 41
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY67	fluocinonide OINT41	fluticasone propionate hfa9
fluconazole SUSR18	fluocinonide SOLN41	fluticasone propionate LOTN41
fluconazole TABS18	fluorometholone (ophth) SUSP60	fluticasone propionate OINT41
	fluorouracil (topical) CREA 5 % ...39	fluticasone-salmeterol AEPB 10
	fluorouracil (topical) SOLN39	fluticasone-salmeterol AERO10
	fluorouracil 500 MG/10ML 24	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...19
	fluoxetine hcl CAPS 10 MG14	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19

fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 14	FORTEO SOPN (teriparatide) 44	fulvestrant SOSY 25
fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG 14	FOSAMAX PLUS D 44	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML 44
FLUZONE 2024-2025 SUSP 67	fosamprenavir calcium TABS 30	furosemide TABS 44
FLUZONE 2024-2025 SUSY 67	fosfomycin tromethamine 22	FUZEON SOLR 30
FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY 67	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide 20	FYCOMPA TABS 2 MG 11
FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY 67	fosinopril sodium 20	FYCOMPA TABS 4 MG 11
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023 67	fosphenytoin sodium 13	FYCOMPA TABS 6 MG 11
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024 67	FRAGMIN SOSY 11	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG 11
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP 67	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM 53	gabapentin CAPS 12
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY 68	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM 53	gabapentin SOLN 12
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP 68	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM 53	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY 68	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM 53	GALAFOLD 45
FML FORTE SUSP 60	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM 53	galantamine hydrobromide CP24 . 62
FML OINT 60	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM 53	galantamine hydrobromide SOLN . 62
folic acid TABS 49	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM 53	galantamine hydrobromide TABS . 62
fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM 53	GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML 61
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM 53	GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML 61
fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML . 11	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM 53	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR 61
fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM 53	GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML 61
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS 43	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM 53	GAMUNEX-C 61
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT .. 43	FROVATRIPTAN SUCCINATE 54	ganciclovir sodium SOLR 31
formoterol fumarate NEBU 10		ganirelix acetate 45

gatifloxacin (ophth)	59	glucagon (rdna)	16	halobetasol propionate OINT	41
gefitinib	24	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	17	HALOG OINT	41
gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	24	glyburide TABS	17	haloperidol decanoate	29
gemfibrozil TABS	19	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	15	haloperidol lactate CONC	29
GENOTROPIN CART SC	45	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	15	haloperidol lactate SOLN	29
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY 45		glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	48	haloperidol TABS	29
gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML	65	HAVRIX	68
gentamicin sulfate (ophth) OINT ..	59	glycopyrrolate TABS 1 MG	65	HEALON PRO SOSY	60
gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	59	glycopyrrolate TABS 2 MG	65	HEMANGEOL SOLN OR	32
gentamicin sulfate (topical) CREA .	38	GLYXAMBI	15	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11
gentamicin sulfate (topical) OINT ..	38	GNP PRENATAL TABS	57	HEPARIN SODIUM/NAACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	11
gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	43	HEPLISAV-B SOSY	68
GENVOYA	30	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17	HIBERIX SOLR IJ	66
GILOTRIF	24	granisetron hcl TABS	17	HUMATROPE CART IJ	45
glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 63		GRASTEK SUBL	2	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	3
glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 63		griseofulvin microsize SUSP	18	HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML .	3
GLEOSTINE 10 MG	23	griseofulvin microsize TABS	18	HUMIRA PEN AJKT	3
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	23	griseofulvin ultramicrosize	18	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT	3
glimepiride 1 MG, 2 MG	16	guanfacine hcl (adhd)	1	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT	3
glimepiride 4 MG	17	guanfacine hcl	20	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT	3
glipizide TABS 5 MG, 10 MG	17	GYNAZOLE-1	69	HUMIRA PSKT	3
glipizide TB24	17	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	3	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	16
glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	15	HADLIMA SOSY	3	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	16
glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	15	HAEGARDA SOLR SC	49		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	43	HALAVEN (eribulin mesylate)	28		
Index 15		halcinonide CREA	41		
		halobetasol propionate CREA	41		

HYCANTIN CAPS	28	hydrocortisone butyrate CREA	41	ibandronate sodium TABS	44
hydralazine hcl SOLN	21	hydrocortisone butyrate OINT	41	IBRANCE CAPS	26
hydralazine hcl TABS	21	hydrocortisone butyrate SOLN	41	IBRANCE TABS	26
hydrochlorothiazide CAPS	44	hydrocortisone sod succinate 100 MG	36	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML	4
hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 44		hydrocortisone TABS	36	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..	4
hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG	44	hydrocortisone vaginal	69	ibuprofen TABS 800 MG	4
hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .	37	hydrocortisone valerate CREA	41	icatibant acetate SOLN	49
hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	6	hydrocortisone valerate OINT	41	icatibant acetate SOSY	49
hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML	6	hydrocortisone w/acetic acid	61	ICLUSIG	26
hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	6	hydromorphone hcl LIQD	5	icosapent ethyl 1 GM	19
hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .	5	idarubicin hcl 20 MG/20ML	26
hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	6	hydromorphone hcl TABS	5	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	26
hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	7	hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5	IDELVION	49
hydrocortisone (intrarectal)	7	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	5	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	23
hydrocortisone (rectal) EX	7	hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22		ifosfamide SOLR	23
hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	41	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 23		imatinib mesylate	26
hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % .	41	hydroxychloroquine sulfate 400 MG 23		IMBRUVICA CAPS 140 MG	26
hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	41	hydroxyurea	27	IMBRUVICA CAPS 70 MG	26
hydrocortisone acetate (rectal)	7	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	8	IMBRUVICA SUSP	26
		hydroxyzine hcl SYRP	8	IMBRUVICA TABS	26
		hydroxyzine hcl TABS	8	imipenem-cilastatin IV	21
		hydroxyzine pamoate CAPS	8	imipramine hcl TABS	14
		HYPERSAL NEBU	37	imipramine pamoate	14
		HYQVIA	61	imiquimod 5 %	42
		ibandronate sodium SOLN	44	IMPAVIDO	21
				INCRELEX	45
				INCRUSE ELLIPTA	9
				indapamide TABS 1.25 MG	44
				indapamide TABS 2.5 MG	44

indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	4	ipratropium-albuterol SOLN	10	JANSSEN COVID-19 VACCINE	68
indomethacin CPR	4	irbesartan	20	JANUMET TABS	15
INFANRIX	64	irbesartan-hydrochlorothiazide	20	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	15
INFLECTRA SOLR	47	IRESSA (gefitinib)	24	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	15
INGREZZA CAPS	62	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	28	JANUVIA	16
INGREZZA CPPK	62	irrigation solutions, physiological	56	JARDIANCE	16
INGREZZA CPSP	62	ISENTRESS CHEW	30	JEVTANA	28
INLYTA	24	ISENTRESS HD TABS	30	JIVI	49
INREBIC	26	ISENTRESS TABS	30	JULUCA	30
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	16	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	55	JYNARQUE TBP	46
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	16	ISOLYTE-S	55	KALYDECO TABS	63
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART		isoniazid SOLN	23	KAMELEON LUBRICATED MISC	52
FLEXPEN SUPN	16	isoniazid SYRP	23	KANJINTI	24
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART		isoniazid TABS	23	KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	55
SUSP	16	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	8	KEPIVANCE 6.25 MG	27
INSULIN ASPART SOLN IJ	16	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	33	KESIMPTA	63
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	16	isosorbide mononitrate TABS	8	ketoconazole (topical) CREA	38
INSULIN DEGLUDEC SOLN	16	isosorbide mononitrate TB24	8	ketoconazole (topical) SHAM 2 %	38
INTELENCE 25 MG	30	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	38	ketoconazole	18
INTRAROSA	69	isradipine CAPS	33	KETONE STRP	43
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	55	itraconazole CAPS	18	KETONE TEST STRIPS STRP	43
IOPIDINE	59	itraconazole SOLN	18	ketoprofen CAPS 50 MG	4
IPOL INACTIVATED IPV	68	ivabradine hcl TABS	34	ketorolac tromethamine (ophth)	60
ipratropium bromide (nasal) 0.03 %	58	ivermectin (pediculicide)	43	ketorolac tromethamine TABS	4
ipratropium bromide (nasal) 0.06 %	58	ivermectin	8	KETOSTIX STRP	43
ipratropium bromide SOLN 0.02 %	9	IXEMPRA KIT 15 MG	28	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	60
		JAKAFI	26	KEVZARA SOAJ	3

KEVZARA SOSY	4	KRINTAFEL	23	MCG, 250 MCG (digoxin)	33
KIMONO COLORS DEVI	52	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	52	lansoprazole CPDR 15 MG	65
KIMONO LUBRICATED MISC	52	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	52	lansoprazole CPDR 30 MG	65
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	52	KYLEENA	36	lanthanum carbonate CHEW	48
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 52		KYPROLIS	26	lapatinib ditosylate	26
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	52	labetalol hcl SOLN	32	LASTACRAFT	60
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 52		labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 32		latanoprost SOLN	60
KIMONO PS LUBRICATED MISC .52		labetalol hcl TABS 300 MG	32	leflunomide	4
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 52		lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML . 12		lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	56
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	52	lacosamide TABS	12	lenalidomide 20 MG	56
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 52		lactated ringer's (irrigation)	56	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ...	24
KIMONO SENSATION PLUS LUBRICATED MISC	52	lactated ringer's	55	LENVIMA 12MG DAILY DOSE ...	24
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 52		lactic acid (ammonium lactate) CREA	42	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ...	24
KIMONO SPECIAL DEVI	52	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	42	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ...	24
KINRIX SUSY	64	lactulose (encephalopathy)	47	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ...	24
KISQALI	26	lactulose SOLN	51	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ...	24
KISQALI FEMARA 200 DOSE	26	lamivudine (hbv) TABS	31	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	24
KISQALI FEMARA 400 DOSE	26	lamivudine SOLN	30	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	24
KISQALI FEMARA 600 DOSE	26	lamivudine TABS 150 MG	30	letrozole	25
KLARITY-A	59	lamivudine TABS 300 MG	30	leucovorin calcium SOLR	27
KOGENATE FS KIT	49	lamivudine-zidovudine	30	leucovorin calcium TABS	28
KOSELUGO	26	lamotrigine CHEW 25 MG	12	LEUKERAN	23
KOVALTRY	49	lamotrigine CHEW 5 MG	12	LEUKINE SOLR IJ	50
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	57	lamotrigine TABS	12	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	25
		lamotrigine TBDP	12	levalbuterol hcl	10
		LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	33	levalbuterol tartrate	10
		LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125		LEVEMIR FLEXPEN SOPN	16
				LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	16
				LEVEMIR SOLN	16

levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %51	lopinavir-ritonavir TABS 30
levetiracetam TABS 1000 MG 12	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...57	loratadine CAPS 18
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG 12	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...57	loratadine CHEW 18
levetiracetam TABS 500 MG 12	lidocaine hcl GEL 2 % 42	loratadine SOLN 18
levetiracetam TB24 12	lidocaine hcl PRSY 42	loratadine TABS 18
levobunolol hcl 0.5 % 59	lidocaine hcl SOLN 42	loratadine TBDP 18
levocetirizine dihydrochloride SOLN 18	lidocaine PTCH 5 % 42	lorazepam CONC 8
levocetirizine dihydrochloride TABS 18	lidocaine-prilocaine CREA 42	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG 8
levofloxacin (ophth) 0.5 % 59	LILETTA 20.1 MCG/DAY 36	lorazepam TABS 1 MG 8
levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML 47	lincomycin hcl 22	LORBRENA 26
levofloxacin SOLN OR 47	linezolid SUSR 22	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG 21
levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 47	linezolid TABS 22	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20
levofloxacin TABS 500 MG 47	LINZESS 48	losartan potassium 20
levonorgestrel & eth estradiol TABS 35	liothyronine sodium SOLN 64	LOTEMAX OINT 60
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG 35	liothyronine sodium TABS 64	loteprednol etabonate GEL 60
levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) 35	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1 1	loteprednol etabonate SUSP 60
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG 35	lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1	lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ... 19
levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) 35	lisinopril & hydrochlorothiazide ...20	lovastatin TABS 40 MG 19
levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 35	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG 20	loxapine succinate 29
levorphanol tartrate TABS 2 MG5	lithium 29	lubiprostone 47
levothyroxine sodium TABS 64	lithium carbonate CAPS 29	LUCEMYRA (lofexidine hcl) 62
LEXIVA SUSP 30	lithium carbonate TABS 29	luliconazole 38
	lithium carbonate TBCR 29	LUMIZYME 45
	LO LOESTRIN FE TABS 35	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM 25
	lofexidine hcl 62	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM 25
	LOKELMA 56	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM . 25
	loperamide hcl CAPS 17	
	lopinavir-ritonavir SOLN 30	

LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM . 25	medroxyprogesterone acetate 10 MG	mesalamine CPDR 47
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 45 62	mesalamine ENEM 47
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG 45	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG 62	mesalamine SUPP 47
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG 45	mefenamic acid CAPS 4	mesalamine TBEC 1.2 GM 47
lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG 29	mefloquine hcl 23	mesalamine TBEC 800 MG 47
lurasidone hcl 80 MG 29	megestrol acetate (appetite) 62	metaxalone 800 MG 58
LYNPARZA TABS 26	megestrol acetate SUSP 25	metformin hcl TABS 1000 MG 15
LYSODREN 25	megestrol acetate TABS 25	metformin hcl TABS 500 MG 15
mafenide acetate PACK 40	MEKINIST SOLR 26	metformin hcl TABS 850 MG 15
magnesium sulfate IJ 50 % 55	MEKINIST TABS 26	metformin hcl TB24 500 MG 16
malathion 43	MEKTOVI 26	metformin hcl TB24 750 MG 15
maraviroc TABS 150 MG 30	meloxicam TABS 4	methadone hcl CONC 5
maraviroc TABS 300 MG 30	melphalan 23	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML . 5
MARPLAN 13	melphalan hcl IV 23	METHADONE HCL SOLN IJ 5
MASONATAL TABS 57	memantine hcl TABS 62	methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML 5
MATULANE 27	MENACTRA 66	methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5
MAXIDEX SUSP OP 60	MENEST 47	methadone hcl TABS 10 MG 5
MAXX LUBRICATED MISC 52	MENOSTAR PTWK 47	methadone hcl TABS 5 MG 5
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 52	MENQUADFI 66	methadone hcl TBSO 5
meclizine hcl TABS 12.5 MG 17	MENVEO SOLN 66	methamphetamine hcl 1
meclizine hcl TABS 25 MG 17	MENVEO SOLR 66	methazolamide TABS 44
meclofenamate sodium CAPS 4	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML 5	methenamine hippurate 22
MEDROL TABS 36	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML 5	methimazole TABS 64
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM 36	meperidine hcl TABS 50 MG 5	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG 58
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM 36	meprobamate 8	METHOTREXATE 3
	mercaptopurine TABS 24	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML 24
	meropenem 21	methotrexate sodium SOLR 24
	mesalamine CP24 47	

methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24	125 MG, 500 MG, 1000 MG 36	midodrine hcl 69
methoxsalen rapid39	methylprednisolone TABS 36	miglitol 15
methscopolamine bromide65	methylprednisolone TBPk 36	miglustat49
methsuximide13	methyltestosterone TABS7	minocycline hcl CAPS 64
methylidopa TABS20	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML 47	minocycline hcl TABS64
methylphenidate hcl CHEW 10 MG .2	metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML 47	minoxidil 2.5 MG, 10 MG 21
methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG 2	metoclopramide hcl TABS 47	MIRCERA 50
methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..2	metolazone44	MIRENA36
methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG2	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG 21	mirtazapine TABS 15 MG13
methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG2	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG21	mirtazapine TABS 30 MG13
methylphenidate hcl CP24 30 MG ..2	metoprolol succinate TB24 200 MG 32	mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG 13
methylphenidate hcl CP242		mirtazapine TBDP 15 MG13
methylphenidate hcl CPR 2		mirtazapine TBDP 30 MG13
methylphenidate hcl SOLN 2	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG 32	mirtazapine TBDP 45 MG13
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG 2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML32	misoprostol 65
methylphenidate hcl TABS 5 MG ...2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG 32	mitomycin SOLR IV 20 MG26
methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG2	metronidazole (topical) CREA 42	mitoxantrone hcl 2 MG/ML26
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 42	M-M-R II SOLR 68
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG 2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..42	M-NATAL PLUS TABS 57
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG 2	metronidazole (topical) LOTN 42	modafinil 100 MG 2
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG 2	metronidazole TABS21	modafinil 200 MG 2
methylphenidate PTCH 2	metronidazole vaginal69	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP68
methylprednisolone acetate SUSP 36	mexiletine hcl 8	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP . 68
methylprednisolone sod succ 40 MG,	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG 69	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6MO-5Y ...68

VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 . 68	MVASI24	NEBUSAL NEBU 37
MODERNA COVID-19	MYALEPT 46	nefazodone hcl 14
VACCINE6MO-5Y SUSP68	mycophenolate mofetil CAPS56	nelarabine 24
moexipril hcl20	mycophenolate mofetil TABS56	neomycin sulfate TABS 2
mometasone furoate (nasal) SUSP	mycophenolate sodium56	neomycin-bacitracin zn-polymyxin 59
58	MYLERAN TABS 23	neomycin-polymy-dexameth OINT 60
mometasone furoate CREA 42	nabumetone 4	neomycin-polymy-dexameth SUSP
mometasone furoate OINT 42	nadolol TABS 20 MG 32	60
mometasone furoate SOLN42	nadolol TABS 40 MG 32	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...60
montelukast sodium CHEW9	nadolol TABS 80 MG 32	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .
montelukast sodium PACK9	nafcillin sodium IV 10 GM61	61
montelukast sodium TABS9	naftifine hcl CREA 1 %39	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .
morphine sulfate CP24 10 MG, 20	naftifine hcl CREA 2 %38	61
MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG,	NAGLAZYME46	NEONATAL COMPLETE TABS 120
100 MG5	nalbuphine hcl 7	MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10
morphine sulfate SOLN IJ 0.5	naloxone hcl LIQD 17	MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-
MG/ML, 1 MG/ML 5	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4	27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2
morphine sulfate SOLN OR 10	MG/10ML17	MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG 57
MG/5ML 5	naltrexone hcl 17	NEONATAL PLUS TABS57
morphine sulfate SOLN OR 20	naproxen sodium TABS 550 MG ... 4	NEONATAL PRENATAL VITAMIN
MG/5ML 5	naproxen SUSP 4	TABS57
morphine sulfate TABS6	naproxen TABS 4	NEONATAL VITAMIN TABS 57
morphine sulfate TBCR 6	naproxen TBEC 500 MG4	neostigmine methylsulfate SOSY .23
MOTOFEN 17	naratriptan hcl 54	NEO-SYNALAR 38
MOVANTIK48	NATACYN59	NEUPRO 28
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 59	NATAZIA 35	NEVANAC60
moxifloxacin hcl in sodium chloride	nateglinide16	nevirapine SUSP30
47	NAYZILAM 11	nevirapine TABS31
moxifloxacin hcl TABS47	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	nevirapine TB24 100 MG 31
MOZOBIL (plerixafor) 50	32	nevirapine TB24 400 MG 31
MULPLETA50	nebivolol hcl 20 MG32	NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole
MULTI PRENATAL TABS 57		magnesium)65
mupirocin OINT 38		NEXPLANON 36

NEXTSTELLIS	35	NITRO-BID OINT	8	estradiol-fe	35
niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19	nitrofurantoin	22	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	35
niacin CPCR 250 MG, 500 MG	70	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	22	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	35
niacin TABS	70	nitrofurantoin monohyd macro	22	norgestimate-ethinyl estradiol	35
niacin TBCR	70	nitroglycerin (intra-anal)	7	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	35
NIACIN TR TBCR	70	nitroglycerin CPCR	8	NORMOSOL-M/D5W	55
niacinamide TABS 100 MG	70	nitroglycerin PT24	8	NORMOSOL-R	55
niacinamide TABS 500 MG	70	NITROGLYCERIN SOLN IV	8	nortriptyline hcl CAPS	14
nicardipine hcl CAPS	33	nitroglycerin SUBL	8	nortriptyline hcl SOLN	14
nicardipine hcl SOLN	33	NIVA-PLUS TABS	57	NORVIR CAPS	31
nicotine MISC XX	63	nizatidine CAPS	65	NORVIR PACK	31
nicotine polacrilex GUM	63	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	45	NORVIR SOLN	31
nicotine polacrilex LOZG	63	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	45	NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	43
nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	63	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	68
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	63	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	68
NICOTROL INHALER INHA	63	norethin acet & estrad-fe CHEW ...	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	68
NICOTROL NS SOLN	63	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	35	NOVOEIGHT	49
nifedipine CAPS 10 MG	33	norethindrone & eth estradiol	35	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16
nifedipine CAPS 20 MG	33	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 35		NOVOLIN 70/30 SUSP	16
nifedipine TB24 60 MG	33	norethindrone (contraceptive)	36	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16
nifedipine TB24 90 MG	33	norethindrone acet & eth estra TABS 35		NOVOLIN N SUSP	16
nifedipine TB24	33	norethindrone acetate TABS	62	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16
nilutamide	25	norethindrone acetate-ethinyl estradiol	46	NOVOLIN R SOLN IJ	16
nimodipine CAPS	33	norethindrone acetate-ethinyl		NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18
NINLARO	26			NP THYROID 120 TABS	64
NIPENT	27				
nisoldipine	33				
nitazoxanide TABS	21				
nitisinone CAPS	46				

NP THYROID 15 TABS	64	olanzapine SOLR	29	ondansetron TBDP 8 MG	17
NP THYROID 30 TABS	64	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	29	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	57
NP THYROID 60 TABS	64	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	29	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	57
NP THYROID 90 TABS	64	olanzapine TBDP 20 MG	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	53
NUBEQA	25	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	53
NUCALA SOAJ	9	olmesartan medoxomil	20	OPILL	36
NUCALA SOLR	9	olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	21	OPSUMIT	33
NUCALA SOSY 100 MG/ML	9	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	21	ORENITRAM TBCR	33
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	9	olopatadine hcl (nasal)	58	ORGOVYX	25
NUCYNTA ER TB12	6	olopatadine hcl 0.1 %	60	ORLISSA	45
NUCYNTA TABS	6	olopatadine hcl 0.2 %	60	ORKAMBI PACK	63
NUEDEXTA	63	omega-3-acid ethyl esters	19	ORKAMBI TABS	63
NULOJIX	56	omeprazole CPDR	65	ORLADEYO	49
nystatin (mouth-throat)	57	omeprazole magnesium CPDR ...	65	orphenadrine citrate TB12	58
nystatin (topical) CREA	39	omeprazole TBEC	65	oseltamivir phosphate CAPS	32
nystatin (topical) OINT	39	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	65	oseltamivir phosphate SUSR	32
nystatin (topical) POWD EX	39	OMNIFLEX DIAPHRAGM	52	OSMOPREP	51
nystatin TABS	18	ONCASPAR	27	OSPHENA	45
nystatin-triamcinolone CREA	39	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17		OTEZLA TABS	4
nystatin-triamcinolone OINT	39	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	17	OTEZLA TBPK	4
NYVEPRIA	50	ondansetron hcl SOSY	17	oxacillin sodium IV 10 GM	61
octreotide acetate KIT	46	ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23
octreotide acetate SOLN	46	ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxandrolone	7
ODEFSEY	31	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxaprozin TABS	4
ODOMZO	25	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxazepam CAPS	8
OFEV	63	ondansetron TBDP 4 MG	17	OXBRYTA TABS 500 MG	49
ofloxacin (ophth)	59			oxcarbazepine SUSP	12
ofloxacin (otic)	60				
ofloxacin 300 MG, 400 MG	47				
OGIVRI	24				

oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12	97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	43	51
oxcarbazepine TABS 600 MG	12	PANRETIN	39	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride
oxiconazole nitrate CREA	39	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 65		51
OXISTAT LOTN	39	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 65		PEGASYS SOLN
oxybutynin chloride SOLN	66	PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	35	31
oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	66	paricalcitol CAPS	46	PEGASYS SOSY
oxybutynin chloride TB24	66	paricalcitol SOLN	46	31
oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6	paroxetine hcl SUSP	14	PEMAZYRE
oxycodone hcl TABS	6	paroxetine hcl TABS 10 MG	14	26
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7	paroxetine hcl TABS 20 MG	14	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7	paroxetine hcl TABS 30 MG	14	penciclovir
oxymorphone hcl TABS	6	paroxetine hcl TABS 40 MG	14	40
oxymorphone hcl TB12 40 MG	6	paroxetine hcl TB24 12.5 MG	14	penicillamine CAPS
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6		paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG	14	56
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	16	PASER PACK	23	penicillamine TABS
OZEMPIC SOPN	16	pazopanib hcl	26	56
paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	28	PEDIARIX SUSY	64	penicillin g potassium 5000000 UNIT 61
paclitaxel protein-bound particles ..	28	pediatric multivitamins w/fl CHEW ..	57	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML
paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG ..	29	PEDVAX HIB SUSP	66	61
paliperidone 6 MG	29	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	51	PENICILLIN G PROCAINE
palonosetron hcl SOLN	17	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM		61
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	45			penicillin g sodium
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 45				61
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-				penicillin v potassium SOLR
				61
				penicillin v potassium TABS
				61
				PENTACEL
				64
				pentazocine w/ naloxone hcl
				7
				pentoxifylline
				49
				perindopril erbumine 2 MG, 8 MG ..
				20
				perindopril erbumine 4 MG
				20
				PERJETA
				24
				permethrin CREA
				43
				permethrin LIQD EX
				43
				perphenazine TABS
				30
				perphenazine-amitriptyline
				62
				PERSERIS PRSY
				29
				PFIZER-BIONTECH COVID-

19VACCINE SUSP	68	phenytoin CHEW	13	PLEGRIDY SOAJ	63
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	68	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	13	PLEGRIDY SOSY SC	63
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 68		phenytoin sodium SOLN	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ .	63
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP 68		phenytoin SUSP	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	63
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	68	PHEXXI	69	plerixafor	50
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	68	PHOSLYRA SOLN	48	PNEUMOVAX 23 SOSY	66
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	68	PHOTOFRIN	27	PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN .	66
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	68	PIFELTRO	31	podofilox SOLN	42
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y ...	68	pilocarpine hcl (oral)	57	polymyxin b sulfate SOLR	22
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y ...	68	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % .	59	polymyxin b-trimethoprim	59
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 68		pimecrolimus	42	POMALYST	25
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y ...	68	pimozide	63	posaconazole SUSP	18
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 68		pindolol TABS	32	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML .	56
PHEBURANE PLLT	46	pioglitazone hcl	16	potassium bicarbonate TBEF	56
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	48	pioglitazone hcl-glimepiride	15	potassium chloride CPCR	56
phendimetrazine tartrate TABS	1	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS .	15	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	55
phenelzine sulfate	13	piperacillin sodium-tazobactam sodium	61	potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L	55
phenobarbital ELIX	50	PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	27	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	55
phenobarbital TABS	50	PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	27	potassium chloride	
phenoxybenzamine hcl	20	PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	27	microencapsulated crystals er	56
phentermine hcl CAPS	1	pirfenidone CAPS	63	potassium chloride PACK OR 20 MEQ	56
		pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG	64		
		pirfenidone TABS 534 MG	64		
		piroxicam CAPS	4		
		PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	55		
		PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	55		

POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 56	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE60	PRENATAL PLUS TABS 57
potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML56	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 36	PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS 57
potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ 56	prednisolone sodium phosphate TBDP36	PRENATAL TABS 58
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS55	prednisolone SOLN36	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS57
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)55	prednisolone TABS 36	PRENATAL VITAMIN TABS58
potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 48	prednisone SOLN36	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS 57
potassium phosphates 236 MG/ML- 224 MG/ML55	prednisone TABS 1 MG, 5 MG 36	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS 58
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD38	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG36	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT 58
pralatrexate 20 MG/ML 24	prednisone TBPK 36	PRENATRIX TABS 58
pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG28	PREFEST 46	PRENATRYL TABS 58
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG28	pregabalin (once-daily) 330 MG ... 63	PREVNAR 13 66
prasugrel hcl49	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG 63	PREVNAR 20 66
pravastatin sodium 19	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12	PREZCOBIX 31
praziquantel8	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ... 12	PREZISTA SUSP31
prazosin hcl CAPS20	pregabalin SOLN12	PREZISTA TABS (darunavir)31
PRECISION XTRA43	PREHEVBRIO68	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG 31
PRED MILD 60	PREMARIN69	PRIFTIN23
PRED-G SUSP60	PREMARIN SOLR47	primaquine phosphate TABS23
prednicarbate OINT42	PREMARIN TABS 47	primidone 50 MG, 250 MG12
prednisolone acetate (ophth)60	PREMPHASE 46	PRIORIX SUSR69
	PREMPRO 46	PROAIR DIGIHALER10
	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 57	PROAIR RESPICLICK AEPB10
	PRENATAL ONE DAILY TABS ...57	probenecid 48

procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8	PROVISC SOSY 60	QUZYTIR SOLN IV 19
prochlorperazine 30	PULMICORT FLEXHALER AEPB .. 9	QVAR REDIHALER 9
prochlorperazine maleate TABS ... 30	PULMOZYME 63	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS 58
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML 50	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS 58	RA PRENATAL TABS 58
PROCRIT 40000 UNIT/ML 50	pyrazinamide 23	rabeprazole sodium TBEC 65
progesterone CAPS 62	pyridostigmine bromide SOLN OR 23	raloxifene hcl 45
PROGRAF PACK 56	pyridostigmine bromide TABS 60 MG 23	ramelteon 51
PROGRAF SOLN 56	pyridostigmine bromide TBCR 23	ramipril CAPS 20
PROLASTIN-C SOLN 63	pyrimethamine 23	ranitidine hcl TABS 150 MG 65
PROLEUKIN 27	QC PRENATAL TABS 58	ranolazine TB12 1000 MG 8
PROLIA SOSY 45	QINLOCK 27	ranolazine TB12 500 MG 8
PROMACTA PACK 50	QUADRACEL SUSP 64	rasagiline mesylate 28
PROMACTA TABS 50	QUADRACEL SUSY 64	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC .. 52
promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML 19	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG 29	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI 52
promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG 19	quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG 29	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 52
promethazine hcl SUPP 50 MG ... 19	quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG 29	REBIF REBIDOSE SOAJ 63
promethazine hcl TABS 19	quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG 29	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ 63
propafenone hcl CP12 9	quinapril hcl 20 MG, 40 MG 20	REBIF SOSY 63
propafenone hcl TABS 9	quinapril hcl 5 MG, 10 MG 20	REBIF TITRATION PACK SOSY .. 63
proparacaine hcl 60	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG 21	RECOMBIVAX HB SUSP 69
propranolol hcl CP24 32	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG 21	RECOMBIVAX HB SUSY 69
propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML 32	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG 21	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal)) . 7
propranolol hcl TABS 32	quinidine sulfate TABS 8	REGRANEX 43
propylthiouracil 64	quinine sulfate CAPS 324 MG 23	RELENZA DISKHALER 32
PROQUAD SUSR 69		RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G 53
protriptyline hcl 14		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE

25G	53	risedronate sodium TABS 150 MG	45	rufinamide TABS 200 MG	12
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE		risedronate sodium TABS 35 MG	. 45	rufinamide TABS 400 MG	12
30G	53	risedronate sodium TABS 5 MG, 30		RUKOBIA	31
RELION KETONE TEST STRIPS		MG	45	RUXIENCE	24
STRP	43	risedronate sodium TBEC	45	RYBELSUS TABS	16
RELION TRUE METRIX		RISPERDAL CONSTA (risperidone		salsalate	5
BLOODGLUCOSE TEST STRIPS		microspheres)	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	
STRP	43	risperidone microspheres	29	(octreotide acetate)	46
RENFLEXIS	47	risperidone SOLN	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT .46	
repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16	risperidone TABS	29	SANTYL OINT	42
repaglinide 2 MG	16	risperidone TBDP	29	sapropterin dihydrochloride PACK .46	
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM		ritonavir TABS	31	sapropterin dihydrochloride TABS .46	
SOCT	19	rivastigmine tartrate CAPS	62	SAVELLA TABS	62
REPATHA SOSY	19	rizatriptan benzoate TABS 10 MG	.54	SAVELLA TITRATION PACK MISC	
REPATHA SURECLICK SOAJ	19	rizatriptan benzoate TABS 5 MG	.54	62	
RETACRIT	50	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	.54	saxagliptin hcl	16
RETEVMO CAPS	27	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG	.54	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-	
RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	31	roflumilast	9	2.5 MG	15
REXULTI	30	romidepsin SOLR	27	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5	
ribavirin (hepatitis c) CAPS	31	ropinirole hydrochloride TABS	28	MG, 500 MG-5 MG	15
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG		ropinirole hydrochloride TB24 2 MG,		SCSEMBLIX 100 MG	27
31		4 MG, 6 MG	28	SCSEMBLIX 20 MG	27
RIDAURA	3	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG,		SCSEMBLIX 40 MG	27
rifabutin	23	12 MG	28	scopolamine	17
rifampin CAPS	23	rosuvastatin calcium TABS	19	SELECT INSULIN SYRINGES	54
rifampin SOLR	23	ROTARIX SUSP	69	SELECT LANCETS	53
riluzole TABS	59	ROTARIX SUSR	69	selegiline hcl CAPS	29
rimantadine hydrochloride TABS ..	32	ROTATEQ SOLN	69	selegiline hcl TABS	29
ringer's	55	ROZLYTREK CAPS	27	selenium sulfide LOTN 2.5 %	40
ringer's irrigation	56	RUBRACA	27	SELZENTRY SOLN	31
RINVOQ LQ SOLN	2	rufinamide SUSP	12	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	
RINVOQ TB24	3			31	

SEREVENT DISKUS	10	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	55	sotalol hcl (afib/afI)	32
sertraline hcl CONC	14	sodium acetate SOLN	55	sotalol hcl TABS 240 MG	32
sertraline hcl TABS 100 MG	14	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	48	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	32
sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 14		sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	37	SOVALDI TABS 200 MG	31
sevelamer carbonate PACK	48	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	56	SOVALDI TABS 400 MG	31
sevelamer carbonate TABS	48	sodium citrate & citric acid	48	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	69
SHINGRIX	69	sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	55	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	69
SIGNIFOR	46	sodium phenylbutyrate POWD	46	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	69
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	33	sodium phenylbutyrate TABS	46	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	69
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	34	sodium polystyrene sulfonate POWD 56		spinosad	43
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	34	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	57	SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate) ..	9
sildenafil citrate	33	sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate	51	SPIRIVA RESPIMAT AERS	9
silodosin	48	SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS	31	spironolactone & hydrochlorothiazide	44
silver sulfadiazine	40	solifenacin succinate TABS	66	spironolactone TABS	44
SIMPONI ARIA SOLN	3	SOLIQUA 100/33	15	SPRAVATO 56MG DOSE	13
SIMULECT	56	SOLOSEC	2	SPRAVATO 84MG DOSE	13
simvastatin TABS	19	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	36	SPRYCEL (dasatinib)	27
sirolimus TABS	56	SOLU-CORTEF 250 MG	36	stannous fluoride CONC	57
SIRTURO	23	SOLU-MEDROL 2 GM	36	stavudine CAPS	31
SIVEXTRO TABS	22	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG . 45		STELARA 130 MG/26ML	47
SKYLA	36	sorafenib tosylate	27	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	40
SKYRIZI PEN SOAJ	40	SORBITOL 3 %	48	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	40
SKYRIZI SOCT	47	SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	48	STELARA SOSY 90 MG/ML	40
SKYRIZI SOLN	47			STENDRA	33
SKYRIZI SOSY	40			STIOLTO RESPIMAT	10
SLYND	36				
SM PRENATAL VITAMINS TABS .	58				

STIVARGA	27	SULFAMYLON CREA	40	TABS	34
STRENSIQ	46	sulfasalazine TABS	47	tadalafil 5 MG	33
streptomycin sulfate SOLR	2	sulfasalazine TBEC	47	TAFINLAR CAPS	27
STRIBILD	31	sulindac TABS	4	TAFINLAR TBSO	27
STRIVERDI RESPIMAT	10	sumatriptan	54	tafluprost	60
SUBSYS LIQD 100 MCG	6	sumatriptan succinate SOAJ	54	TAGRISSE 40 MG	24
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	6	sumatriptan succinate SOCT	54	TAGRISSE 80 MG	24
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	6	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	54	TAKHZYRO SOLN	49
sucralfate SUSP	65	sumatriptan succinate TABS	55	TAKHZYRO SOSY	49
sucralfate TABS	65	sumatriptan-naproxen sodium	54	TALZENNA	27
sulconazole nitrate CREA	39	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	27	tamoxifen citrate TABS	25
sulconazole nitrate SOLN	39	sunitinib malate 37.5 MG	27	tamsulosin hcl	48
sulfacetamide sodium (acne)	38	SUNOSI 150 MG	1	TASIGNA 150 MG, 200 MG	27
sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 59		SUNOSI 75 MG	1	TASIGNA 50 MG	27
sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	38	SYNAREL	45	tavaborole	39
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	38	SYNERA PTCH	42	TAVALISSE	49
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	38	SYNJARDY TABS	15	tazarotene CREA 0.1 %	40
sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	38	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	TAZVERIK	27
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	60	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15	TDVAX SUSP	64
sulfadiazine TABS	64	SYNRIBO	27	TEFLARO	35
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	64	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12	
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	TABLOID	24	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12	
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	TABRECTA	27	TEGSEDI	63
		tacrolimus (topical) OINT	42	telmisartan	20
		tacrolimus CAPS	56	telmisartan-amlodipine	21
		tadalafil (pulmonary hypertension)		telmisartan-hydrochlorothiazide ...	21
				temazepam 15 MG, 30 MG	50
				temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	50
				TEMODAR SOLR	23

temozolomide CAPS	23	(tiopronin)	48	tolterodine tartrate TABS	66
temsirolimus	27	thioridazine hcl	30	tolvaptan TABS	46
TENIVAC INJ	64	thiotepa 15 MG	23	topiramate CPSP 15 MG	12
tenofovir disoproxil fumarate TABS 31		thiothixene	30	topiramate CPSP 25 MG	12
terazosin hcl	20	THYMOGLOBULIN	56	topiramate CS24	12
terbinafine hcl TABS	18	THYROGEN 0.9 MG	43	topiramate TABS 200 MG	12
terbutaline sulfate SOLN	10	tiagabine hcl	12	topiramate TABS 25 MG, 100 MG	12
terbutaline sulfate TABS	10	TIBSOVO	27	topiramate TABS 50 MG	12
terconazole vaginal CREA	69	tigecycline	64	topotecan hcl SOLN	28
terconazole vaginal SUPP	69	timolol maleate (ophth) SOLG	59	topotecan hcl SOLR	28
teriflunomide	63	timolol maleate (ophth) SOLN	59	toremifene citrate	25
teriparatide SOPN	45	timolol maleate TABS	32	torsemide TABS	44
TERIPARATIDE SOPN	45	tiopronin TBEC 100 MG	48	TRACLEER TBSO	33
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7	tiopronin TBEC 300 MG	48	tramadol hcl TABS 50 MG	6
testosterone cypionate SOLN IM ...	7	tiotropium bromide monohydrate CAPS	9	tramadol hcl TB24	6
testosterone enanthate SOLN IM ...	7	TIVICAY TABS	31	tramadol-acetaminophen	7
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP	65	tizanidine hcl CAPS	58	trandolapril 1 MG, 2 MG	20
tetrabenazine	62	tizanidine hcl TABS	58	trandolapril 4 MG	20
tetracycline hcl CAPS	64	tobramycin (ophth) SOLN	59	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	21
THALOMID	56	tobramycin NEBU	2	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	21
theophylline ELIX	10	tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML ...	2	tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	50
theophylline SOLN	10	tobramycin-dexamethasone SUSP 60		tranexamic acid TABS	50
theophylline TB12	10	TODAY SPONGE MISC	69	tranylcypromine sulfate	13
theophylline TB24	10	tolcapone	28	travoprost SOLN	60
THERANATAL CORE NUTRITION TABs	58	tolmetin sodium CAPS	4	TRAZIMERA	24
THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin)	48	tolmetin sodium TABS 600 MG	4	trazodone hcl TABS	14
THIOLA EC TBEC 300 MG		TOLSURA CAPS	18	TRECTOR	23
		tolterodine tartrate CP24	66	TRELEGY ELLIPTA	10

TRELSTAR MIXJECT	25	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	44	tropicamide SOLN 0.5 %	59
TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	40	triamterene & hydrochlorothiazide TABS	44	tropicamide SOLN 1 %	59
TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	40	triamterene CAPS	44	trospium chloride CP24	66
TREMFYA SOLN	40	triazolam	50	trospium chloride TABS	66
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	40	TRICARE TABS	58	TRUE COVER DEVI	52
TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	40	trientine hcl 250 MG	56	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ..	43
treprostinil SOLN IJ	33	trifluoperazine hcl TABS	30	TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	54
tretinoin (chemotherapy)	27	trifluridine	59	TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	43
tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	38	trihexyphenidyl hcl SOLN	28	TRUE TRACK TEST STRP	43
tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	38	trihexyphenidyl hcl TABS	28	TRULICITY	16
tretinoin microsphere 0.1 %	38	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	15	TRUMENBA	66
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	24	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	52
triamcinolone acetonide (mouth) ..	57	TRIKAFTA TBPK	63	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	52
triamcinolone acetonide (nasal) AERO	58	trimethobenzamide hcl CAPS	17	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	52
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	42	trimethoprim TABS	21	TRUSTEX LUBRICATED MISC	52
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	42	trimipramine maleate CAPS	15	TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	53
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	42	TRINTELLIX	14	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDED MISC	52
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	42	TRIUMEQ TABS	31	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	52
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	42	TRIZIVIR	31	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	53
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	42	TROJAN MAGNUM MISC	52	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	53
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	42	TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	52	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	53
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	37	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	52	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	53
		TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC 52		TRUSTEX NATURAL CONDOMS	
		TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	52		

+LUBE/LUBRICATED MISC	53	ursodiol CAPS	47	venlafaxine hcl CP24 37.5 MG	14
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC	53	ursodiol TABS	47	venlafaxine hcl CP24 75 MG	14
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	53	UVADEX	27	venlafaxine hcl TABS	14
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	53	valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG	31	venlafaxine hcl TB24 150 MG	14
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	53	valacyclovir hcl 500 MG	32	venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	14
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	53	valganciclovir hcl TABS	31	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	33
TRUXIMA	24	valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	13	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	33
TUKYSA	24	valproic acid CAPS	13	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML	33
TURALIO	27	valrubicin	26	verapamil hcl TABS	33
TUZISTRA XR	37	valsartan TABS	20	verapamil hcl TBCR	33
TWINRIX SUSY	69	valsartan-hydrochlorothiazide	21	VEREGEN	38
TWIRLA	35	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	11	VERZENIO	27
TYBLUME CHEW	35	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	11	VICTOZA (liraglutide)	16
TYBOST	31	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	11	vigabatrin PACK	12
TYMLOS	45	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	11	vigabatrin TABS	12
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	33	vancomycin hcl CAPS	22	VIIBRYD STARTER PACK KIT	14
TYVASO SOLN IN	33	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG	22	vilazodone hcl TABS	14
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	33	vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML	22	vincristine sulfate	28
UBRELVY	54	VAQTA	69	vinorelbine tartrate 10 MG/ML	28
UCERIS (budesonide (intrarectal))	7	varenicline tartrate TABS	63	VIRACEPT TABS 250 MG	31
UDENYCA ONBODY SOSY	50	varenicline tartrate TBPK	63	VIRACEPT TABS 625 MG	31
UDENYCA SOAJ	50	VARIVAX SUSR	69	VIREAD POWD	31
UDENYCA SOSY	50	VARUBI TBPK	18	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	31
UPTRAVI TABS 200 MCG	34	VAXNEUVANCE	66	VISTOGARD	17
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	34	VECAMYL	21	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	70
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	34	VECTIBIX 100 MG/5ML	24	VITATHELY/GINGER TABS	58
		VELPHORO	48	VITRAKVI CAPS	27
		venlafaxine hcl CP24 150 MG	14		

VITRAKVI SOLN	27	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10	XTANDI TABS 40 MG	25
VIZIMPRO	24	XELJANZ SOLN	3	XTANDI TABS 80 MG	25
VORAXAZE	28	XELJANZ TABS 10 MG	3	XULTOPHY 100/3.6	15
voriconazole TABS	18	XELJANZ TABS 5 MG	3	XYNTHA	49
VOSEVI	31	XELJANZ XR TB24	3	XYNTHA SOLOFUSE	49
VOTRIENT (pazopanib hcl)	27	XEOMIN	59	YERVOY	24
VYNDAMAX	34	XERAIVA	64	YONSA	25
VYNDAQEL	34	XGEVA SOLN	45	zafirlukast	9
VYVANSE CAPS	1	XHANCE EXHU	58	zaleplon 10 MG	50
warfarin sodium TABS	10	XIFAXAN 200 MG	21	zaleplon 5 MG	50
water for irrigation, sterile	56	XIFAXAN 550 MG	21	ZALTRAP 100 MG/4ML	24
WESTAB PLUS TABS	58	XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	15	ZANOSAR	23
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	53	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	53	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	ZARXIO	50
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	53	XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9	ZEJULA CAPS	27
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	53	XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	9	ZEJULA TABS 100 MG	27
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	53	XOLAIR SOLR	9	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG ..	27
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	53	XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9	ZELBORAF	27
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	53	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	9	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	44
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	53	XOSPATA	27	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	43
XALKORI CAPS	27	XPOVIO	25	zidovudine CAPS	31
XARELTO STARTER PACK TBPK 10		XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25		zidovudine SYRP	31
XARELTO SUSR	10	XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 25		zidovudine TABS	31
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10	XTAMPZA ER	6	ZIEXTENZO	50
		XTANDI CAPS	25		

zileuton TB12	9
ziprasidone hcl	29
ZIRABEV	24
ZIRGAN GEL	59
ZOLADEX 10.8 MG	25
ZOLADEX 3.6 MG	25
zoledronic acid CONC	45
zoledronic acid SOLN	45
ZOLINZA	27
zolmitriptan SOLN	55
zolmitriptan TABS	55
zolmitriptan TBDP	55
zolpidem tartrate TABS	50
zolpidem tartrate TBCR	50
zonisamide CAPS	12
ZONTIVITY	49
ZORBTIVE SC	45
ZYDELIG	27
ZYLET	60

Ambetter from Louisiana Healthcare Connections is underwritten by Louisiana Healthcare Connections, Inc., which is a Qualified Health Plan issuer in the Louisiana Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. © 2023 Louisiana Healthcare Connections, Inc. All rights reserved.